

Số: 1741/QĐ - TDTTĐN

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc miễn, giảm học phí học kỳ I, năm học 2026-2027

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO ĐÀ NẴNG

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐT ngày 18/7/2025 của Hội đồng trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/09/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ vào đơn xin miễn, giảm học phí và hồ sơ của sinh viên;

Theo đề nghị của trưởng phòng Công tác học sinh, sinh viên;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Miễn, giảm học phí cho 123 sinh viên theo các mức sau (*Danh sách kèm theo*):

- 03 sinh viên được miễn 100% học phí HKI năm học 2026-2027 trở đi là đối tượng mồ côi.

- 24 sinh viên được miễn 100% học phí HKI năm học 2026-2027 là dân tộc thiểu số hộ nghèo, cận nghèo năm 2026.

- 96 sinh viên được giảm 70% học phí học HKI năm học 2026-2027 là đối tượng dân tộc thiểu số ở thôn/bản vùng đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi.

Điều 2. Trưởng phòng Công tác học sinh, sinh viên, bộ phận Tài vụ, các đơn vị liên quan và sinh viên có tên ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- BGH;
- BP. Tài vụ, P.ĐTBĐCLGD;
- Khoa GDTC, Khoa HLTT;
- Khoa QLTDĐT, Website trường;
- Lưu VT, CTHSSV.



HIỆU TRƯỞNG

Phan Thanh Hải

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2026-2027

(Kèm theo quyết định số: 1741/QĐ-TĐTĐN ngày 27 tháng 10 năm 2026
của Hiệu Trưởng trường Đại học TĐTĐN Đà Nẵng)

1. Danh sách sinh viên được miễn 100% học phí từ học kỳ I năm học 2026-2027 trở đi là đối tượng mồ côi:

TT	Họ và tên	Mã thẻ SV	Ngày sinh	Lớp	Đối tượng
1	Lê Viết Hồng Anh	K19HLTT243	20/02/2007	K20HLTT.2	Mồ côi cha mẹ
2	A Khánh	K20HLTT523	20/19/2008	K20HLTT.5	Mồ côi cha mẹ
3	Võ Thiện Thành	K20HLTT135	12/07/2008	K20HLTT.6	Mồ côi cha mẹ

2. Danh sách sinh viên được miễn 100% học phí học kỳ I năm học 2026-2027 là đối tượng dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và cận nghèo:

TT	Họ và tên	Mã thẻ SV	Ngày sinh	Lớp	Đối tượng
1	Kring Trãi	17K5301026	01/10/2005	ĐH-17/01	DT Gié Triêng, hộ nghèo 2026
2	Nguyễn Xuân Phúc	17K5302028	22/04/2005	ĐH-17/02	DT Cơ tu, hộ nghèo 2026
3	Hóih Xuân	17K5302061	10/06/2004	ĐH-17/03	DT Cơ tu, hộ nghèo 2026
4	A Lăng Nam Phi	17K5302056	14/12/2004	ĐH-17/03	DT Cơ Tu, hộ nghèo 2026
5	A Trường Vũ	18K3206029	17/09/2006	ĐH-18/03	DT Dê, hộ nghèo 2026
6	Hồ Bảo Nguyên	18K5302257	01/02/2006	ĐH-18/07	DT Bru – Vân Kiều, hộ cận nghèo 2026
7	Alăng Linh	18K5302251	26/01/2006	ĐH-18/07	DT Cơ Tu; Hộ cận nghèo 2026
8	Abing Vững	18K5302285	15/02/2006	ĐH-18/07	DT Cơ Tu, hộ cận nghèo 2026
9	BnướcH Niêm	18K5302301	27/05/1997	ĐH-18/08	DT Cơ Tu, hộ cận nghèo 2026
10	Blúp Kiều	18K3206104	19/10/2006	ĐH-18/08	DT Cơ Tu, hộ cận nghèo 2026
11	Hồ Hiếu Thiên	18K5301040	21/12/2006	ĐH-18/10	DT Gié Triêng, hộ nghèo 2026
12	Hà Ngọc Khánh Duy	K19HLTT030	14/09/2007	K19HLTT.1	DT Thái, hộ nghèo 2026
13	Lang Thanh Bảo	K19HLTT014	28/04/2007	K19HLTT.1	DT Thái, hộ cận nghèo 2026
14	Lô Tiến Hưng	K19HLTT087	17/03/2007	K19HLTT.1	DT Thái, hộ cận nghèo 2026
15	Zorâm Thị Phương	K19HLTT354	17/10/2005	K19HLTT.4	DT Cơ Tu, hộ nghèo 2026
16	Lữ Trọng Tấn	K19HLTT374	29/03/2007	K19HLTT.4	DT Thái, hộ nghèo 2026
17	Triệu An Nhật	K19HLTT477	02/09/2007	K19HLTT.5	DT Nùng, hộ cận nghèo 2026
18	Dương Chi Anh	K19HLTT695	08/10/2007	K19HLTT.7	DT Nùng, hộ cận nghèo 2026
19	Hồ Văn Tuấn	K19HLTT715	29/04/2006	K19HLTT.7	DT Bru- Vân Kiều, hộ nghèo 2026
20	Hồ Văn Minh Dĩ	K20HLTT019	21/11/2008	K20HLTT.1	DT Gié-Triêng, hộ cận nghèo 2026
21	Hồ Công Chức	K20HLTT012	12/01/2008	K20HLTT.1	DT Gié Triêng, hộ nghèo 2026
22	Bnước Vinh Quang	K20HLTT219	03/10/2008	K20HLTT.2	DT Cơ tu, hộ cận nghèo 2026
23	Hóih Đoàn	K20HLTT154	01/09/2022	K20HLTT.2	DT Cơ Tu, hộ cận nghèo 2026
24	Lô Minh Quyết	K20HLTT366	22/09/2008	K20HLTT.3	DT Thái, hộ nghèo 2026

3. Danh sách sinh viên được giảm 70% học phí học kỳ 1 năm học 2026-2026 là đối tượng dân tộc thiểu số ở thôn/ bản vùng đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi.

TT	Họ và tên	Mã thẻ SV	Ngày sinh	Lớp	Đối tượng
1	Đình Văn Quang	17K5301018	12/03/2005	ĐH-17/01	DT Cadong, Trà Tân, Đà Nẵng
2	La Lay Thực	17K5302063	30/08/2004	ĐH-17/03	DT Paco; Tà Rụt, Quảng Trị
3	Vĩ Quốc Việt	17K5302060	01/10/2004	ĐH-17/03	DT Thái; Ia Đal, Quảng Ngãi
4	Bling Công Lập	17K5302052	01/07/2005	ĐH-17/03	DT Cơ tu, A Vương, Đà Nẵng
5	A Đường	17K5302042	20/01/2005	ĐH-17/03	DT Gia Rai, Mô Rai, Quảng Ngãi
6	Siu Ngang	17K5302054	30/11/2005	ĐH-17/03	DT Jrai; Ia Hiao, Gia Lai
7	A Huỳnh	17K5302048	28/12/2005	ĐH-17/03	DT Gia Rai, Mô Rai, Quảng Ngãi
8	Nguyễn Thiên Bảo Quân	17K5302057	02/10/2005	ĐH-17/03	DT Ca Dong, Trà Tân, Đà Nẵng
9	Phạm Văn Kiệt	17K5302140	02/01/2004	ĐH-17/06	DT Hre; Ba Tô, Quảng Ngãi
10	Hồ Ngọc Ny	17K5302221	25/10/2004	ĐH-17/08	DT Co; Trà Bồng, Quảng Ngãi

11	Hồ Thị Bích Khuê	17K5302216	22/06/2005	ĐH-17/08	DT Ca dong; Trà Đốc, Đà Nẵng
12	Phạm Quốc Bảo	17K5302210	02/06/2005	ĐH-17/08	DT H'rê; Ba Tô, Quảng Ngãi
13	Đinh Thị Mỹ Lệ	17K5302218	08/10/2005	ĐH-17/08	DT H'rê, Sơn Hạ, Quảng Ngãi
14	Ksor Như	17K5302220	13/03/2004	ĐH-17/08	DT Jrai, Ia O, Gia Lai
15	Poloong Tuấn	17K5302227	09/09/2005	ĐH-17/08	DT Cơ Tu, Achiing, Tây Giang, Đà Nẵng
16	Hồ Ksar - Ay Linh	18K5302039	15/01/2006	ĐH-18/01	DT Pa Cô; La Lay, Quảng Trị
17	Bling Hà Nam	18K5302051	02/04/2005	ĐH-18/02	DT Cơ Tu; Thôn Công Dồn, Nam Giang, Đà Nẵng
18	Phạm Thiên Tú	18K5302080	27/03/2006	ĐH-18/02	DT H'rê, Ba Xa, Quảng Ngãi
19	A Vin	18K5302108	08/11/2004	ĐH-18/03	DT Gia Rai; Ya Ly, Quảng Ngãi
20	A Quyền	18K5302428	23/02/2006	ĐH-18/03	DT Giê Triêng, Đắc Pek, Quảng Ngãi
21	A Mạnh Dúp	18K5302090	01/07/2005	ĐH-18/03	DT Xơ Đăng, Tu Mơ Rông, Quảng Ngãi
22	Lô Tùng Dương	18K5302215	18/10/2006	ĐH-18/06	DT Thái; Lượng Minh, Nghệ An
23	Phạm Trung Hiếu	18K5302220	11/01/2006	ĐH-18/06	DT Mường, Mô Rai, Quảng Ngãi
24	Hồ Văn Chúc	18K5302209	27/10/2005	ĐH-18/06	DT Ca dong; Trà Vân, Đà Nẵng
25	A Tận	18K3206063	16/10/2006	ĐH-18/07	DT Giê Triêng; Đắc Plô, Quảng Ngãi
26	Hồ Mạnh Lượng	18K5302252	06/11/2006	ĐH-18/07	DT Pa Cô; A Dơi, Quảng Trị
27	KPã H'Diệp	18K5302296	26/04/2006	ĐH-18/08	DT Jrai; Phù Túc, Gia Lai
28	Đinh Thị Thanh Thanh	18K5302106	28/10/2006	ĐH-18/08	DT H'rê; Sơn Kỳ, Quảng Ngãi
29	Nay H'Tú	18K5302323	15/02/2006	ĐH-18/08	DT Gia Rai; Buôn Krái, EaHiao, Đắc Lắc
30	Rah Lan Phước	18K3206106	08/05/2006	ĐH-18/08	DT Gia Rai, Ia Rsai, Gia Lai
31	Y Kiệt Niê	18K5302103	17/02/2006	ĐH-18/09	DT Ê đê; Nam Ka, Đắc Lắc
32	Đinh Thị Quân	18K5302431	07/12/2006	ĐH-18/09	DT H'rê, Sơn Hạ, Quảng Ngãi
33	Lê Hồ Công Hữu	18K5301013	29/01/2006	ĐH-18/10	DT Ca dong; Trà Don, Nam Trà My, Đà Nẵng
34	Hồ Thị Kim Hằng	K19HLTT058	30/08/2007	K19HLTT.1	DT Mnông, Phước Trà, Đà Nẵng
35	Bling Khoa	K19HLTT100	07/05/2007	K19HLTT.1	DT Cơ Tu, Công Dồn, Nam Giang, Đà Nẵng
36	Lữ Hải Đăng	K19HLTT046	26/07/2007	K19HLTT.1	DT Thái, Bàn Hội 1, Quỳ Châu, Nghệ An
37	Đinh Sư Huynh	K19HLTT085	04/04/2007	K19HLTT.1	DT H'rê; Thôn Kỳ Hát, Sơn Mai, Quảng Ngãi
38	Phạm Văn Đoàn	K19HLTT048	04/07/2007	K19HLTT.1	DT H'rê; Thôn Krên, Bà Vĩ, Quảng Ngãi
39	Hồ Thanh Khuâng	K19HLTT108	04/07/2007	K19HLTT.1	DT Giê-Triêng, Phước Năng, Đà Nẵng
40	Ngô A Huấn	K19HLTT075	14/02/2007	K19HLTT.1	DT Giê Triêng, Đắc Môn, Quảng Ngãi
41	Hoàng Đức Dương	K19HLTT035	05/12/2007	K19HLTT.1	DT Nùng, Tam Giang, Đắc Lắc
42	Nay Doang	K19HLTT025	25/04/2007	K19HLTT.1	DT Gia Rai, Phú Thiện, Gia Lai
43	A Nhân Nhân	K19HLTT134	18/02/2007	K19HLTT.2	DT Gia Rai, Ya Ly, Quảng Ngãi
44	Hồ Xuân Vũ	K19HLTT227	24/08/2007	K19HLTT.2	DT Mnông, Phước Trà, Đà Nẵng
45	Hồ Ngun Ngân	K19HLTT128	19/04/2007	K19HLTT.2	DT Co, Tây Trà Bồng, Quảng Ngãi
46	Đinh Huy Thái	K19HLTT184	15/10/2007	K19HLTT.2	DT H're; Bàu Sơn, Sơn Hạ, Quảng Ngãi
47	Nguyễn Xuân Nguyên	K19HLTT131	02/04/1997	K19HLTT.2	DT Cơ Tu, Thôn Đha Mi, xã Sông Vàng, Đà Nẵng
48	Hồ Đình Phú	K19HLTT144	17/12/2007	K19HLTT.2	DT Giê Triêng, Khâm Đức, Đà Nẵng
49	A Huy	18K5302035	17/03/2006	K19HLTT.2	DT Ha Lăng; Rờ Koi, Sa Thầy, KonTum
50	A Rất Vũ	K19HLTT226	03/08/2007	K19HLTT.2	DT Cơ Tu, Bến Giằng, Đà Nẵng
51	Poloong Minh Trí	K19HLTT206	15/10/2007	K19HLTT.2	DT Cơ Tu, Sông Kôn, Đà Nẵng
52	Trương Tuấn Minh	K19HLTT125	26/10/2007	K19HLTT.2	DT Thổ, Tam Hợp, Nghệ An
53	La Lan Thị Thắm	K19HLTT190	01/01/2006	K19HLTT.2	DT Chăm, Phú Mỹ, Đắc Lắc
54	Nguyễn Hải Ánh	K19HLTT008	23/05/2007	K19HLTT.2	DT Giê Triêng, Đắc Pesk, Quảng Ngãi
55	Đinh Văn Bảo	K19HLTT248	12/04/2006	K19HLTT.3	DT Thôn Hà Ri, Ba Na, Vĩnh Thịnh, Gia Lai
56	Tạ Nhật Trí	K19HLTT404	03/03/2004	K19HLTT.4	DT Cơ Tu, Đông Giang, Đà Nẵng
57	Lô Bảo Sương	K19HLTT367	18/12/2007	K19HLTT.4	DT Thái, bản Tổng Xan, Mậu Thạch, Nghệ An

58	Đinh Thị Tín	K19HLTT380	27/08/2007	K19HLTT.4	DT Hrê, An Lão, Gia Lai
59	Coor Văn Nam	K19HLTT329	30/01/2007	K19HLTT.4	DT Cơ Tu, Bến Giằng, Đà Nẵng
60	ZRâm Thị Phụng	K19HLTT355	03/04/2007	K19HLTT.4	DT Giê-Triêng, Đắc Pring, Đà Nẵng
61	Triệu Quang Trung	K19HLTT411	14/04/2007	K19HLTT.4	DT Nùng, Quảng Hòa, Lâm Đồng
62	Đinh Văn Như	K19HLTT344	01/02/2007	K19HLTT.4	DT Hrê, An Vinh, Gia Lai
63	Lương Minh Đức	K19HLTT502	05/03/2007	K19HLTT.5	DT Thái, Mô Rai, Quảng Ngãi
64	A Rơ Nguyên	K19HLTT712	27/05/2007	K19HLTT.7	DT Xơ Đăng, Đăk Tờ Kan, Quảng Ngãi
65	Hồ Thị Cam	K19HLTT646	22/01/2007	K19HLTT.7	DT Bru Vân Kiều; bản An Bai, Kim Ngân, Quảng Trị
66	ALăng Thị Thúy Lan	K19HLTT637	28/01/2007	K19HLTT.7	DT Cơ Tu, Bến Hiên, Đà Nẵng
67	Đinh Tuấn Khiêm	K19HLTT709	30/12/2007	K19HLTT.7	DT Hrê, Sơn Mai, Quảng Ngãi
68	Nay Thời Đại	K19HLTT698	27/11/2005	K19HLTT.7	DT Jrai, Biền Hồ, Gia Lai
69	Sầm Thanh Hùng	K19HLTT743	07/02/2007	K19HLTT.7	DT Nùng, Ea Nuôl, Đăk Lăk
70	Hà Tuấn Kiệt	K19QLTDTT038	14/04/2007	K19QLTDTT	DT Thái, Thông Thụ, Nghệ An
71	Nay Yanh	K19QLTDTT100	03/11/2003	K19QLTDTT	DT Gia Rai, Ia Rbol, Gia Lai
72	Hồ Minh Tú	K20HLTT108	26/10/2008	K20HLTT.1	DT Co, Tây Trà Bồng, Quảng Ngãi
73	Đinh Thị Yuen	K20HLTT121	19/01/2007	K20HLTT.1	DT Ba Na, Kon Chiêng, Gia Lai
74	Giản Thị An Na	K20HLTT068	21/09/2008	K20HLTT.1	DT Thổ, Minh Hợp, Nghệ An
75	Luân Xuân Vũ	K20HLTT118	11/05/2008	K20HLTT.1	DT Nùng, Ea Nuôl, Đăk Lăk
76	Trương Hữu Quốc	K20HLTT089	01/12/2008	K20HLTT.1	DT Giê-Triêng, Đăk Môn, Quảng Ngãi
77	A Thép	K20HLTT094	16/04/2008	K20HLTT.1	DT Giê-Triêng, Đăk Plô, Quảng Ngãi
78	Hồ Văn Học	K20HLTT036	16/09/2008	K20HLTT.1	DT Bru-Vân Kiều, Đăk Rông, Quảng Trị
79	Ksor Lanh	K20HLTT058	01/12/2008	K20HLTT.1	DT Jrai, Ia Sao, Gia Lai
80	Hồ Văn Bốn	K20HLTT010	27/05/2008	K20HLTT.1	DT Co, Tây Trà Bồng, Quảng Ngãi
81	Ka Phu Hoàng Huynh	K20HLTT047	09/05/2008	K20HLTT.1	DT Cơ Tu, Khâm Đức, Đà Nẵng
82	Chiu Hồng	K20HLTT037	10/03/2008	K20HLTT.1	DT Dao, Tuy Đức, Lâm Đồng
83	Nguyễn Trần Thiên Phú	K20HLTT213	02/06/2007	K20HLTT.2	DT Cơ Tu, Sông Vàng, Đà Nẵng
84	A đơ Phư	K20HLTT217	09/09/2008	K20HLTT.2	DT Ba Na, Kdang, Gia Lai
85	Agiêng Chí Hợp	K20HLTT168	14/06/2007	K20HLTT.2	DT Cơ Tu, Achiing, Tây Giang, Đà Nẵng
86	Trương Vương Uy	K20HLTT244	17/02/2008	K20HLTT.2	DT Thổ, Minh Hợp, Nghệ An
87	Ksor Y Ngươi	K20HLTT200	10/04/2007	K20HLTT.2	DT Ê Đê, Ea Hiao, Đăk Lăk
88	Lương Thế Danh	K20HLTT148	28/01/2008	K20HLTT.2	DT Thái, Yên Na, Nghệ An
89	Hà Thiên Bảo	K20HLTT286	13/10/2008	K20HLTT.3	DT Thái, Kon Chiêng, Gia Lai
90	Đặng Văn Định	K20HLTT406	08/08/2008	K20HLTT.4	DT Dao, Lục Hành, Tuyên Quang
91	Sầm Văn Ngọc	K20HLTT434	03/02/2004	K20HLTT.4	DT Nùng, Ia Lâu, Gia Lai
92	Phạm Thị Diễm Như	K20HLTT494	09/08/2008	K20HLTT.4	DT Hrê, Ba Tơ, Quảng Ngãi
93	Quách Văn Hào	K20HLTT824	24/10/2006	K20HLTT.4	DT Mường, Đại Đồng, Phú Thọ
94	Điền Thi Thái	K20HLTT454	06/10/2008	K20HLTT.4	DT M'Nông, Bon Bu Kóh, Tuy Đức, Lâm Đồng
95	Lý Huỳnh Tấn Tài	K20QLTDTT072	17/04/2006	K20QLTDTT	DT Nùng, Ea Wer, Đăk Lăk
96	Phong Sỹ Luân	K20QLTDTT097	13/05/2008	K20QLTDTT	DT Cơ Tu, Thạnh Mỹ, Đà Nẵng